

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản**

Căn cứ Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu số 114/QĐ-QLTTLA ngày 13/7/2023 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Long An.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Long An thông báo việc lựa chọn tổ chức đấu giá để thực hiện đấu giá 01 lô tài sản với nội dung như sau:

**1. Tên, địa chỉ của người có tài sản:**

Cục Quản lý thị trường tỉnh Long An, địa chỉ: Số 67, Hùng Vương, Phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**2. Tên tài sản đấu giá và giá khởi điểm:**

Quần áo, giày nhãn hiệu các loại (có bảng kê chi tiết kèm theo). Tổng giá khởi điểm: **122.024.000 đồng** (Một trăm hai mươi hai triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

**3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản**

Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản căn cứ theo khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá do tổ chức đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản. Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách



nhệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh các tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Cụ thể theo Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá:

| TT        | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                | MỨC TỐI ĐA  |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| <b>I</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá tài sản.</b>                                                                                                                                                                       | <b>23,0</b> |
| <b>1</b>  | <b>Cơ sở vật chất đảm bảo cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                          | <b>11,0</b> |
| 1.1       | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử ...)                                                                                                                                             | 6,0         |
| 1.2       | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện                                                                                                                                                               | 5,0         |
| <b>2</b>  | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                | <b>8,0</b>  |
| 2.1       | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng phiếu trả giá đảm bảo an toàn, bảo mật và các phương tiện khác đảm bảo cho việc đấu giá                                                                                                                        | 4,0         |
| 2.2       | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá.                                                                                                                             | 4,0         |
| <b>3</b>  | <b>Có trang thông tin điện tử đang hoạt động</b>                                                                                                                                                                                                        | <b>2,0</b>  |
| <b>4</b>  | <b>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến</b>                                                                                                                                                      |             |
| <b>5</b>  | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                     | <b>1,0</b>  |
| <b>II</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                                                            | <b>22,0</b> |
| 1         | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan                                                                                                                               | 4,0         |
| 2         | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao | 4,0         |
| 3         | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá                                                                                                                                                                        | 4,0         |
| 4         | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá                                                                                                                   | 4,0         |
| 5         | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá                                                                                                                                       | 3,0         |
| 6         | Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống                                                                                                                                                                                       | 3,0         |



| TT         | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | MỨC TỐI ĐA  |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|            | phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
| <b>III</b> | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>45,0</b> |
| <b>1</b>   | <b>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</b>                                                                              | <b>6,0</b>  |
| 1.1        | Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2,0         |
| 1.2        | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3,0         |
| 1.3        | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4,0         |
| 1.4        | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5,0         |
| 1.5        | Từ 30 hợp đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6,0         |
| <b>2</b>   | <b>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</b> | <b>18,0</b> |
| 2.1        | Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 10,0        |
| 2.2        | Từ 20% đến dưới 40%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 12,0        |
| 2.3        | Từ 40% đến dưới 70%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 14,0        |
| 2.4        | Từ 70% đến dưới 100%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 16,0        |
| 2.5        | Từ 100% trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 18,0        |
| <b>3</b>   | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</b>                                                                                   | <b>5,0</b>  |
| 3.1        | Dưới 03 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3,0         |
| 3.2        | Từ 03 năm đến dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4,0         |



| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | MỨC TỐI ĐA |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 3.3 | <i>Trên 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5,0        |
| 4   | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản. chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3,0        |
| 4.1 | <i>01 đấu giá viên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1,0        |
| 4.2 | <i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2,0        |
| 4.3 | <i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3,0        |
| 5   | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản) chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</b> | 4,0        |
| 5.1 | <i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2,0        |
| 5.2 | <i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3,0        |
| 5.3 | <i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời hạn hành nghề từ 03 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4,0        |
| 6   | <b>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế GTGT. chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3, hoặc 6.4</b>                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5,0        |
| 6.1 | <i>Dưới 50 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2,0        |
| 6.2 | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3,0        |
| 6.3 | <i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4,0        |
| 6.4 | <i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5,0        |
| 7   | <b>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động. chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3,0        |
| 7.1 | <i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2,0        |
| 7.2 | <i>Trên 03 nhân viên trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3,0        |
| 8   | <b>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1,0        |
| IV  | <b>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5,0        |
| 1   | Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3,0        |



| TT        | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                          | MỨC TỐI ĐA         |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 2         | Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)       | 4,0                |
| 3         | Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính) | 5,0                |
| <b>V</b>  | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>                                                                                                                           | <b>5,0</b>         |
| 1         | Tổ chức đấu giá tài sản có trụ sở hoạt động trên địa bàn nơi đơn vị đang thực hiện việc lựa chọn tổ chức đấu giá                                                                                                  | 2,0                |
| 2         | Tổ chức đấu giá tài sản đã tham gia thực hiện việc đấu giá tài sản với đơn vị đang thực hiện việc lựa chọn tổ chức đấu giá trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ                                        | 3,0                |
| <b>VI</b> | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                                                   |                    |
| 1         | Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                          | Đủ điều kiện       |
| 2         | Không có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                    | Không đủ điều kiện |

**Lưu ý:**

- Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá làm thành 01 bộ in bìa đóng thành quyển.

- Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá trở lên có số điểm chấm bằng nhau thì việc lựa chọn tổ chức đấu giá ưu tiên theo thứ tự:

1. Tổ chức có số điểm của tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín cao hơn.
2. Tổ chức có số điểm về tiêu chí phương án đấu giá khả thi, hiệu quả cao hơn.
3. Tổ chức có số điểm về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản cao hơn.

**4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá.**

4.1. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc, từ ngày 14/7/2023 đến hết ngày 18/7/2023, trong giờ hành chính.

4.2. Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Cục Quản lý thị trường tỉnh Long An. địa chỉ: Số 67, Hùng Vương, Phường 2, TP.Tân An, tỉnh

Long An.

Nay Cục Quản lý thị trường tỉnh Long An thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký./.

**Nơi nhận:**

- Cục trưởng (b/c);
- Các Phó Cục trưởng;
- Trang TTĐT quốc gia về đấu giá tài sản;
- Trang TTĐT Cục;
- Lưu: VT, TCHC (Ngọc).

**KT.CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Cao Văn Hồng**



TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG  
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG  
TỈNH LONG AN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI SẢN**

(Kèm theo Thông báo số 715 /TB-QLTTLA ngày 15 /7/2023 của Cục QLTT tỉnh Long An)

| STT | Số QĐXP              | Ngày QĐ   | Tên tang vật | Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ                             | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|----------------------|-----------|--------------|------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|------------|
| 1   | 48060006/QĐ-<br>XPHC | 28/3/2023 | Áo Jean      | Nhãn hiệu RN, không rõ nguồn gốc xuất xứ                   | Cái         | 3        | 290.000 | 870.000    |
|     |                      |           | Áo Jean      | Nhãn hiệu RACEWAY, không rõ nguồn gốc xuất xứ              | Cái         | 3        | 290.000 | 870.000    |
|     |                      |           | Áo Jean      | Nhãn hiệu CEDARHAN 98, không rõ nguồn gốc xuất xứ          | Cái         | 2        | 290.000 | 580.000    |
|     |                      |           | Quần Jean    | Nhãn hiệu BRAND COLLECTION MAN, không rõ nguồn gốc xuất xứ | Cái         | 4        | 186.000 | 744.000    |
|     |                      |           | Quần Jean    | Nhãn hiệu BH JEAN, không rõ nguồn gốc xuất xứ              | Cái         | 4        | 102.000 | 408.000    |
|     |                      |           | Quần Jean    | Nhãn hiệu CURISI, không rõ nguồn gốc xuất xứ               | Cái         | 4        | 245.000 | 980.000    |
|     |                      |           | Quần Jean    | Nhãn hiệu LUXURY, không rõ nguồn gốc xuất xứ               | Cái         | 5        | 245.000 | 1.225.000  |
|     |                      |           | Quần Jean    | Nhãn hiệu BB, không rõ nguồn gốc xuất xứ                   | Cái         | 6        | 245.000 | 1.470.000  |
|     |                      |           | Áo thun      | Nhãn hiệu T.A.B.V, không rõ nguồn gốc xuất xứ              | Cái         | 3        | 145.000 | 435.000    |
|     |                      |           | Áo thun      | Nhãn hiệu IT.IT, không rõ nguồn gốc xuất xứ                | Cái         | 24       | 133.000 | 3.192.000  |



|            |                  |            |                 |                                                     |     |       |         |             |
|------------|------------------|------------|-----------------|-----------------------------------------------------|-----|-------|---------|-------------|
|            |                  |            | Áo thun         | Nhãn hiệu KT.STORE, không rõ nguồn gốc xuất xứ      | Cái | 3     | 135.000 | 405.000     |
|            |                  |            | Áo sơ mi        | Nhãn hiệu TN.FOUR.STARS, không rõ nguồn gốc xuất xứ | Cái | 12    | 280.000 | 3.360.000   |
| 2          | 48040052/QĐ-XPHC | 24/03/2023 | Giày thể thao   | Nhãn hiệu Fashion Sport                             | Đôi | 49    | 182.000 | 8.918.000   |
|            |                  |            | Giày thể thao   | Nhãn hiệu NewJisve                                  | Đôi | 2     | 350.000 | 700.000     |
|            |                  |            | Giày thể thao   | Nhãn hiệu Newluyou                                  | Đôi | 4     | 350.000 | 1.400.000   |
|            |                  |            | Áo khoác nam    | màu đen, không rõ nguồn gốc, xuất xứ                | Cái | 2     | 228.000 | 456.000     |
|            |                  |            | Áo khoác nam    | màu đen, không rõ nguồn gốc, xuất xứ                | Cái | 5     | 235.000 | 1.175.000   |
|            |                  |            | Áo khoác nam    | màu đen, không rõ nguồn gốc, xuất xứ                | Cái | 1     | 232.000 | 232.000     |
|            |                  |            | Áo khoác nam    | màu đen, không rõ nguồn gốc, xuất xứ                | Cái | 1     | 237.000 | 237.000     |
|            |                  |            | Quần tây nam    | màu đen, không rõ nguồn gốc, xuất xứ                | Cái | 4     | 191.000 | 764.000     |
|            |                  |            | Quần tây nam    | màu đen, không rõ nguồn gốc, xuất xứ                | Cái | 1     | 153.000 | 153.000     |
| 3          | 48000017/QĐ-XPHC | 27/3/2023  | Quần áo may sẵn | còn mới, chưa qua sử dụng                           | Bộ  | 1.800 | 28.000  | 50.400.000  |
| 4          | 48010044/QĐ-XPHC | 04/4/2023  | Áo nữ           | áo nữ các loại, chưa qua sử dụng                    | Cái | 200   | 84.000  | 16.800.000  |
|            |                  |            | Quần nữ         | quần nữ các loại, đã qua sử dụng                    | Cái | 50    | 91.000  | 4.550.000   |
| 5          | 48010043/QĐ-XPHC | 04/4/2023  | Áo nữ           | áo nữ các loại, chưa qua sử dụng                    | Cái | 170   | 70.000  | 11.900.000  |
|            |                  |            | Quần nữ         | quần nữ các loại, đã qua sử dụng                    | Cái | 140   | 70.000  | 9.800.000   |
| TỔNG CỘNG: |                  |            |                 |                                                     |     |       |         | 122.024.000 |

**Bằng chữ: Một trăm hai mươi hai triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng**